

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HS-ST

Ngày 18-11-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông P. L. L.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đ. H. L.

2. Bà N. T. D.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:*
Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 39/2022/TLST-HS, ngày 27 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **T. L. Q. T**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 18/8/2000 tại huyện A, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: T. Q. T (sinh năm 1980) và bà: L. T. C (sinh năm 1979); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã C, huyện A, tỉnh B từ ngày 30/8/2022 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

Người bị hại: Anh T. N. P – Sinh năm: 1987; nơi cư trú: Khu 4, thị trấn M, huyện A, tỉnh B (có mặt).

Người làm chứng: Cháu T. T. H. D – Sinh năm: 2006; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện A, tỉnh B (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu T.T.H.D: Chị T. T. H – Mẹ ruột cháu T. T. H. D – Sinh năm: 1980; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện A, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h ngày 15/7/2022, T. L. Q. T mượn xe ô tô, hiệu Wave biển số 92F8-1537 của bạn là N. B. T (sinh năm 1999 ở cùng thôn P, xã C, huyện A), đang ở trọ tại thôn K, xã E, huyện A chạy đến quán cafe Koi để đón bạn gái T. T. H. D (sinh năm 2006) đi dạo chơi. T.L.Q.T điều khiển xe chở T.T.H.D đi dạo vòng quanh khu vực công viên thị trấn M. Đến khoảng 22h30' cùng ngày, khi đang đi trên đường Quang Trung, thị trấn M, huyện A thì T.L.Q.T thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu HONDA SUPER (kiểu dáng xe Dream), biển số 34D-720.74 của anh T.N.P (sinh năm 1987) đang dừng tại hàng cây trước Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện A, không có người trông giữ nên T.L.Q.T nảy sinh ý định trộm chiếc xe này để sử dụng. T.L.Q.T quay sang nói với T.T.H.D: “hay là anh lấy trộm chiếc xe này đi nhen!”. Ban đầu T.T.H.D không đồng ý, nhưng sau đó thì T.T.H.D đồng ý. T.L.Q.T dừng xe lại, đi bộ đến nơi để xe của anh T.N.P, thấy xe đang khóa cổ nên T.L.Q.T dùng 02 chân kẹp vào bánh trước xe và dùng 02 tay giật mạnh tay lái làm hư chốt khóa cổ xe. Sau đó T.L.Q.T dắt xe 34D-720.74 đến chỗ T.T.H.D và bảo T.T.H.D ngồi lên xe này để điều khiển còn T.L.Q.T điều khiển xe Wave biển số 50D-1537 để đẩy xe 34D-720.74 T.T.H.D đang cầm lái chạy đến nơi khác tránh bị phát hiện. Khi đến đoạn đường vành đai gần ngã 6 Nhà bè thôn K, xã E, huyện A, thì dừng xe lại, T.L.Q.T rút dây ổ khóa máy xe 34D-720.74 ra, rồi đạp cho xe nổ máy. Thấy xe hoạt động được nên T.L.Q.T điều khiển xe Wave chở T.T.H.D đến phòng trọ trả xe cho anh N.B.T rồi cả hai đi bộ đến nơi để xe 34D-720.74. T.L.Q.T tiếp tục dùng xe trộm cắp được chở T.T.H.D đi dạo. Đến khoảng 01h sáng ngày 16/7/2022, khi đang đi đến đoạn giáp ranh giữa huyện A và thị xã N thì xe hết xăng nên tắt máy, T.L.Q.T và T.T.H.D xuống xe dắt bộ thì bị anh T.N.P và một số người dân phát hiện giữ lại và báo cho Công an huyện A xử lý.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thu giữ 01 xe mô tô hiệu HONDA SUPER (kiểu dáng xe Dream), biển số 34D-720.74, màu sơn nâu. Sau khi xác định đúng chủ sở hữu đã trả lại xe cho anh T.N.P.

Hậu quả của vụ án: Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện A ngày 25/7/2022 thì: 01 xe mô tô hiệu HONDA SUPER (kiểu dáng xe Dream), biển số 34D-720.74, màu sơn nâu tại thời điểm trộm cắp có giá là 12.000.000^d (mười hai triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKSPC, ngày 27/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo T.L.Q.T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T.L.Q.T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T.L.Q.T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo T.L.Q.T với mức án từ 06 tháng tù – 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo T.L.Q.T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về phía bị hại, tại phần tranh luận bị hại không có ý kiến tranh luận nhưng có đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Lời nói sau cùng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước

Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Là một thanh niên đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân, tuy nhiên với bản tính chây lười, chỉ vì muốn có phương tiện để đi lại nên khi nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 34D-720.74 của anh T.N.P, để tại khu vực Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện A không có người trông giữ, T.L.Q.T đã bàn bạc với bạn gái là T.T.H.D để lấy trộm chiếc xe này thì được T.T.H.D đồng ý. Mặc dù xe đã khóa cổ, T.L.Q.T vẫn lén lút đi đến bẻ khóa cổ xe và lấy trộm, T.L.Q.T bứt dây điện và nổ máy được chiếc xe vào khoảng 22h30' ngày 15/7/2022, rồi tẩu thoát cùng T.T.H.D nhưng bị chủ xe phát hiện, bắt giữ.

Tài sản bị chiếm đoạt có trị giá là 12.000.000^d (mười hai triệu đồng) tại thời điểm bị trộm cắp.

Hành vi của bị cáo T.L.Q.T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo T.L.Q.T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo T.L.Q.T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo T.L.Q.T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này, không có phạm tội nào khác. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Mặt khác xét tại phiên tòa người bị hại cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.L.Q.T nên Hội đồng xét xử coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 để quyết định mức hình phạt phù hợp cho bị cáo.

Đối với T.T.H.D (sinh ngày 18/10/2006) đã có hành vi cùng với bị cáo T.L.Q.T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tuy nhiên tính đến thời điểm này T.T.H.D chỉ mới 15 tuổi 8 tháng 27 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A không xử lý hình sự mà xử lý hành chính đối với T.T.H.D là có cơ sở.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thu giữ và xử lý trả lại 01 xe mô tô hiệu HONDA SUPER (kiểu dáng xe Dream), biển số 34D-720.74, màu sơn nâu cho chủ sở hữu anh T.N.P và người bị hại cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T.L.Q.T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo T.L.Q.T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo T.L.Q.T **07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.
3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.
4. Về án phí: Bị cáo T.L.Q.T phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L